

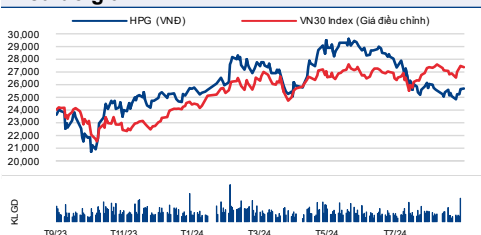
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ33,800
Tiềm năng tăng/giảm: 31.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (23/9/2024)	25,700
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,727-29,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	164,384
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,677
Slg CP lưu hành (tr.đv)	6,396
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,600
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.0%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	118,953	132,045	154,348
EBITDA đc (tỷ đồng)	16,443	22,413	30,198
LNTT (tỷ đồng)	7,793	12,516	16,886
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,493	10,654	14,693
FCF (tỷ đồng)	(7,881)	(23,953)	(6,984)
EPS ĐC (đồng)	1,117	1,666	2,297
DPS (đồng)	0	500	1,000
BVPS (đồng)	17,674	18,642	20,439
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	36.3	34.7
T.trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	49.2	37.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	17.0	19.6
Tỷ suất LNTTT (%)	6.55	9.48	10.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	5.75	8.49	10.0
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	28.5	41.4
Nợ thuần/VCSH (%)	52.4	51.8	53.7
ROAE (%)	6.88	10.1	12.4
ROACE (%)	8.62	10.7	12.8
EV/doanh thu (lần)	1.52	1.61	1.42
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.0	9.47	7.23
P/E ĐC (lần)	23.0	15.4	11.2
P/B (lần)	1.45	1.38	1.26
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.95	3.89

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam sẽ là một trong những động lực tăng trưởng trong dài hạn

- Ngày 21/9/2024, ban Thường trực Chính phủ chủ trì hội nghị với các doanh nghiệp lớn, trong đó có HPG. Một trong các chủ đề được thảo luận là dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam. Chủ tịch HĐQT của HPG cho biết Công ty sẵn sàng tham gia đấu thầu cung cấp thép làm đường ray cho dự án đường sắt cao tốc Bắc – Nam.
- Dự án này đã được Đại hội Đảng thông qua và dự kiến sẽ trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 8 sắp tới. Nếu được Quốc hội thông qua, dự án có tổng vốn đầu tư 70 tỷ USD sẽ khởi công vào đầu năm 2027.
- HPG dự kiến xây nhà máy tại tỉnh Phú Yên để sản xuất sản phẩm thép cao cấp mới và chuyên dụng, bao gồm thép đường ray tốc độ cao cho dự án đường sắt. Điều này sẽ tạo ra động lực tăng trưởng dài hạn. Duy trì khuyến nghị Mua vào.

Sự kiện: Một phần sản phẩm của nhà máy mới tại Phú Yên sẽ phục vụ dự án đường sắt

Trong hội nghị diễn ra ngày 21/9/2024, ông Trần Đình Long, chủ tịch HĐQT của HPG đã đưa ra những nhận định sâu sắc có giá trị về tình hình phát triển kinh tế. Đáng lưu ý, ông đã nhấn mạnh tầm quan trọng của dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam và xem đây là dự án hạ tầng mang tầm chiến lược quốc gia. Ông Long cho biết HPG sẵn sàng tham gia vào bất kỳ quy trình đấu thầu nào để cung cấp thép làm đường ray tốc độ cao cho dự án. Điều này có nghĩa là Công ty sẽ xây nhà máy mới để sản xuất thép có chất lượng cao trong thời gian tới, bao gồm thép làm đường ray.

Thêm thông tin về dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam

Sau khi xem xét và thảo luận toàn diện, Bộ Chính trị đã thông qua đề xuất xây đường sắt cao tốc Bắc-Nam. Quyết định này, được đưa ra sau khi cân nhắc kỹ lưỡng về tiềm năng của dự án trong việc kích thích tăng trưởng kinh tế và tăng cường kết nối khu vực, sẽ được trình lên Quốc hội để phê duyệt lần cuối. Dự án này dự kiến sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy các mục tiêu phát triển dài hạn của Việt Nam như đã nêu trong Đại hội Đảng lần thứ XIII.

Việc xây dựng đường sắt cao tốc Bắc-Nam sẽ tăng cường đáng kể năng lực vận tải dọc hành lang Bắc-Nam. Bằng cách tối ưu hóa thị trường vận tải và giảm chi phí logistics, dự án sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và cải thiện mức sống của người dân. Hơn nữa, khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng này sẽ kích thích các ngành liên quan phát triển, thúc đẩy giao thông bền vững và góp phần làm trong sạch môi trường hơn.

Theo Bộ GTVT, đường sắt cao tốc Bắc-Nam có chiều dài 1.541km, được đề xuất đầu tư với cấu trúc đường đôi, và hạ tầng được thiết kế cho tốc độ tối đa đến 350km/h, bắt đầu từ Hà Nội và kết thúc tại TP.HCM. Dự án đầy tham vọng này, dự kiến có tổng vốn đầu tư 70 tỷ USD, sẽ có 23 nhà ga hành khách và 5 nhà ga hàng hóa. Công tác xây dựng những đoạn đầu tiên (Hà Nội - Vinh, TP.HCM - Nha Trang) dự kiến sẽ bắt đầu từ năm 2027, và toàn tuyến dự kiến sẽ được hoàn thành vào năm 2035.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 24/9.

(Xem tiếp trang 2)

HPG có thể cung cấp những sản phẩm gì cho dự án này?

Tại ĐHCĐ được tổ chức vào tháng 4/2024, HPG quyết định tập trung sản xuất thép chất lượng cao, bao gồm tôn silic/thép điện và thép dùng cho đường ray đường sắt cường độ cao (được sử dụng trong các công trình đường sắt cao tốc). HPG đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi cho nhà máy Phú Yên, nơi sẽ sản xuất các sản phẩm thép chất lượng cao này. Tổng vốn đầu tư cho dự án này ước tính khoảng 5 tỷ USD hoặc cao hơn tùy thuộc vào nhu cầu.

Trong giai đoạn đầu của dự án, một trong những sản phẩm mới từ nhà máy này sẽ được dùng cho dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam ở Việt Nam. Một số thông tin bổ sung:

- Trọng lượng đường ray trên một mét: Đường ray cao tốc thường sử dụng chuẩn UIC 60 (60kg/mét), được thiết kế cho tốc độ cao và tải trọng nặng.
- Tổng chiều dài đường ray: Với tuyến đường sắt có cấu trúc đường đôi có chiều dài 1.541 km (mỗi chiều một đường ray), đường ray sẽ có tổng chiều dài cần thiết là 3.082 km.
- Tổng trọng lượng của đường ray: Dựa theo các giả định trên, HSC ước tính tổng lượng thép sử dụng cho dự án đường ray cao tốc này là 185.000 tấn hoặc có thể cao hơn.

Như vậy, Việt Nam sẽ cần khoảng 185.000 tấn thép dùng làm đường ray để xây dựng 1.541 km đường sắt cao tốc đối với chuẩn ray UIC 60. Ngoài ra, công tác bảo trì/thay thế đường ray cũng sẽ được tiến hành sau mỗi 15 đến 30 năm, tùy thuộc vào từng đoạn đường ray. Nhưng công tác thay thế định kỳ hàng năm cần một lượng thép khá nhỏ, khoảng 10.000 tấn cho đường ray cao tốc đôi 1.541 km.

Mặc dù chúng tôi thấy nhu cầu thép cho dự án đường sắt là có, nhưng chúng tôi nhận thấy quy mô thị trường cho sản phẩm này nói chung vẫn tương đối nhỏ so với công suất thiết kế của các nhà máy thép mới, thường ở mức hàng triệu tấn thép mỗi năm. Do đó, sản phẩm từ nhà máy Phú Yên sẽ không chỉ tập trung sản xuất thép dùng cho đường ray. Nhà máy này sẽ được thiết kế để sản xuất nhiều sản phẩm thép khác nhau, đảm bảo thị trường bền vững hơn cho sản phẩm đầu ra.

Dự án này còn mang lại những lợi ích nào khác?

Sau khi nghiên cứu, chúng tôi hiểu rằng trong tất cả các chi phí cho các dự án thành phần của dự án đường sắt cao tốc (Bảng 1), chi phí cơ sở hạ tầng (công trình dân dụng) chiếm phần lớn trong tổng chi phí đầu tư của dự án. Do đó, công tác xây dựng đường hầm, cầu và cầu cạn cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu thép xây dựng. Điều này cho thấy, bên cạnh sản phẩm thép chất lượng cao dùng cho công tác xây dựng đường ray, nhu cầu thép xây dựng trong dự án này cũng sẽ có lợi cho HPG trong dài hạn.

Lưu ý, thép xây dựng đóng góp khoảng 47,9% sản lượng thép tiêu thụ của HPG trong 8 tháng đầu năm 2024. HPG hiện dẫn đầu phân khúc sản phẩm thép xây dựng này với thị phần 38%.

Khi nào HPG hưởng lợi từ dự án này?

Bộ GTVT đề xuất ưu tiên nguồn lực để khởi công xây dựng các đoạn Hà Nội-Vinh và TP.HCM-Nha Trang với tổng chiều dài khoảng 642 km vào cuối năm 2027. Đoạn Vinh-Nha Trang dài khoảng 899 km, dự kiến khởi công trước năm 2030, hoàn thành toàn tuyến vào năm 2035.

Theo mốc thời gian xây dựng dự kiến của dự án đường sắt, nhu cầu ban đầu về đường sử dụng làm đường ray dự kiến sẽ phát sinh trong giai đoạn 2027-2030. Khu liên hợp thép Phú Yên của HPG cần được xây dựng theo mốc thời gian phù hợp với tiến độ triển khai của dự án này để tối ưu hóa lợi ích tiềm năng.

Khuyến nghị

Nhờ có vị thế dẫn đầu trong ngành thép, HPG đang ở vị thế tốt để hưởng lợi từ dự án đường sắt cao tốc. Bên cạnh đó, việc đủ năng lực cung cấp thép cho dự án trọng điểm Quốc gia cũng sẽ tiếp tục củng cố vị trí dẫn đầu và tiên phong của HPG. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi 33.800đ (tiềm năng tăng giá: 32%).

Bảng 1: Cơ cấu chi phí đường sắt cao tốc

Bên cạnh việc bán các sản phẩm thép để làm đường ray tốc độ cao, HPG cũng hưởng lợi từ việc bán các loại thép xây dựng khác dùng trong xây dựng cơ sở hạ tầng

Cơ cấu	Ước tính % tổng chi phí đầu tư TSCĐ	Chi tiết
Cơ sở hạ tầng (công trình dân dụng)	35-50%	Đào đắp đất, đường hầm, cầu, cầu vượt, chuẩn bị mặt bằng, san lấp và đào đất
Xây dựng và lắp đặt đường ray	15-20%	Đặt đường ray, lắp đặt nền đá hoặc nền tấm, thiết bị chuyển hướng và điểm giao nhau đường ray
Ga và đường vào ga	10-15%	Xây dựng nhà ga, bãi đỗ xe và đường vào ga
Toa tàu	5-10%	Mua bộ toa tàu cao tốc lẻ và xây dựng kho bảo dưỡng
Hệ thống tín hiệu & điều khiển	5-10%	Hệ thống tín hiệu và điều khiển tàu tiên tiến, hệ thống an toàn, tránh va chạm
Điện khí hóa	5-10%	Hệ thống dây điện trên cao, trạm biến áp và hệ thống cấp điện cho tàu điện
Mua đất & phí pháp lý	5-10%	Mua đất, phí pháp lý và tuân thủ môi trường
Quản lý và thiết kế dự án	5-10%	Thiết kế, quy hoạch tuyến đường, giám sát dự án & quản lý tổng thể

Nguồn: Railroadrails.com, Ngân hàng Thế giới, HSC tổng hợp

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	141,409	118,953	132,045	154,348	181,382
Lợi nhuận gộp	16,763	12,938	17,593	23,868	28,921
Chi phí BH&QL	(3,685)	(3,269)	(3,829)	(4,476)	(5,079)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	13,078	9,669	13,763	19,391	23,842
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,313)	(2,582)	(3,655)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.07)	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	129	142	66.0	77.2	90.7
LNTT	9,923	7,793	12,516	16,886	20,278
Chi phí thuế TNDN	(1,479)	(992)	(1,252)	(1,351)	(1,622)
Lợi ích cổ đông thiểu số	39.1	34.7	(50.0)	(69.0)	(82.8)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	8,484	6,835	11,215	15,467	18,573
Lợi nhuận thuần ĐC	8,059	6,493	10,654	14,693	17,644
EBITDA ĐC	19,893	16,443	22,413	30,198	36,267
EPS (đồng)	1,459	1,175	1,753	2,418	2,904
EPS ĐC (đồng)	1,386	1,117	1,666	2,297	2,759
DPS (đồng)	0	0	500	1,000	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	5,815	6,396	6,396	6,396

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	8,325	12,267	14,657	16,217	28,267
Đầu tư ngắn hạn	26,268	22,162	13,205	15,435	18,138
Phải thu khách hàng	9,893	10,702	13,205	15,435	18,138
Hàng tồn kho	34,491	34,504	38,293	44,761	52,601
Các tài sản ngắn hạn khác	1,538	3,081	4,622	6,174	8,162
Tổng tài sản ngắn hạn	80,515	82,716	83,981	98,021	125,306
TSCĐ hữu hình	83,562	97,886	123,576	132,476	119,881
TSCĐ vô hình	634	211	232	255	281
Bất động sản đầu tư	629	594	567	538	506
Đầu tư dài hạn	0	40.0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0.70	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4,995	6,335	6,250	7,287	8,546
Tổng tài sản dài hạn	89,821	105,066	130,626	140,556	129,214
Tổng cộng tài sản	170,336	187,783	214,607	238,577	254,520
Nợ ngắn hạn	46,749	54,982	55,459	58,652	63,484
Phải trả người bán	11,107	12,387	13,205	15,435	18,138
Nợ ngắn hạn khác	3,020	2,457	2,224	2,172	2,222
Tổng nợ ngắn hạn	62,385	71,513	72,760	78,448	86,417
Nợ dài hạn	11,152	10,399	20,152	26,870	23,511
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	31.2	30.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	597	2,948	2,339	2,340	2,342
Tổng nợ dài hạn	11,780	13,378	22,491	29,210	25,853
Tổng nợ phải trả	74,223	84,946	95,252	107,658	112,270
Vốn chủ sở hữu	96,007	102,771	119,239	130,735	141,983
Lợi ích cổ đông thiểu số	106	65.8	116	185	268
Tổng vốn chủ sở hữu	96,113	102,836	119,355	130,919	142,250
Tổng nợ phải trả và VCSH	170,336	187,783	214,607	238,577	254,520
BVPS (đ)	16,511	17,674	18,642	20,439	22,198
Nợ thuần*/(tiền mặt)	49,576	53,114	60,954	69,305	58,728

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	13,078	9,669	13,763	19,391	23,842
Khấu hao	(6,814)	(6,773)	(8,650)	(10,806)	(12,425)
Lãi vay thuần	(3,283)	(2,018)	(1,313)	(2,582)	(3,655)
Thuế TNDN đã nộp	(1,242)	(560)	(1,252)	(1,351)	(1,622)
Thay đổi vốn lưu động	(5,765)	(6,243)	(10,590)	(15,951)	(19,848)
Khác	(3,777)	(3,753)	(2,419)	(3,406)	(4,605)
LCT thuần từ HĐKD	12,192	9,472	10,381	12,715	14,628
Đầu tư TS dài hạn	(17,966)	(17,353)	(34,335)	(19,699)	177
Góp vốn & đầu tư	(53,800)	(38,417)	8,865	(2,253)	(2,731)
Thanh lý	47,055	42,969	111	159	135
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(24,712)	(12,801)	(25,359)	(21,792)	(2,419)
Cổ tức trả cho CSH	(2,247)	(8.01)	(3,198)	(6,396)	(9,594)
Thu từ phát hành CP	4.08	(1.64)	0	0	0
Tăng/giảm nợ	626	7,283	20,565	17,033	9,435
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,617)	7,273	17,367	10,637	(160)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	22,471	8,325	12,267	14,657	16,217
LCT thuần trong kỳ	(14,137)	3,944	2,390	1,559	12,050
Ảnh hưởng của tỷ giá	(9.64)	(0.73)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,325	12,267	14,657	16,217	28,267
Dòng tiền tự do	(5,774)	(7,881)	(23,953)	(6,984)	14,805

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	11.9	10.9	13.3	15.5	15.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	14.1	13.8	17.0	19.6	20.0
Tỷ suất LNT (%)	6.00	5.75	8.49	10.0	10.2
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.9	12.7	10.0	8.00	8.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(5.53)	(15.9)	11.0	16.9	17.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(54.5)	(17.3)	36.3	34.7	20.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(75.4)	(19.4)	64.1	37.9	20.1
Tăng trưởng EPS (%)	(81.1)	(19.4)	49.2	37.9	20.1
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(81.1)	(19.4)	49.2	37.9	20.1
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	28.5	41.4	51.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	9.09	6.88	10.1	12.4	13.6
ROACE (%)	12.3	8.62	10.7	12.8	14.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.81	0.66	0.66	0.68	0.74
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.98	0.75	0.66	0.61
Số ngày tồn kho	101	119	122	125	126
Số ngày phải thu	29.0	36.8	42.1	43.2	43.4
Số ngày phải trả	32.5	42.6	42.1	43.2	43.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.5	52.4	51.8	53.7	42.2
Nợ/tài sản (%)	34.5	35.2	35.6	36.3	34.6
EBIT/lãi vay (lần)	3.98	4.79	10.5	7.51	6.52
Nợ/EBITDA (lần)	2.95	4.02	3.41	2.86	2.43
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.29	1.16	1.15	1.25	1.45
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.22	1.52	1.61	1.42	1.13
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.69	11.0	9.47	7.23	5.66
P/E (lần)	17.6	21.9	14.7	10.6	8.85
P/E ĐC (lần)	18.5	23.0	15.4	11.2	9.32
P/B (lần)	1.56	1.45	1.38	1.26	1.16
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	1.95	3.89	5.84

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn